

BỨC TRANH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2024 VÀ DỰ BÁO NĂM 2025

CÁN VĂN LỤC VÀ NHÓM TÁC GIẢ VIỆN ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU BIDV

Với nỗ lực quyết tâm đột phá thể chế, cách mạng về tinh gọn tổ chức - bộ máy, nỗ lực tháo gỡ những điểm nghẽn của nền kinh tế, kinh tế Việt Nam năm 2024 đã đạt những thành tích ấn tượng và được các tổ chức quốc tế đánh giá cao. Năm 2025, kinh tế thế giới dự báo sẽ vẫn có nhiều sóng gió, thuận nghịch đan xen, kinh tế tiếp tục phục hồi ở mức khá song không đồng đều... Triển vọng kinh tế Việt Nam được dự báo tích cực, tăng trưởng tốt hơn, ổn định vĩ mô được giữ vững... trong năm 2025, năm quyết định của Chiến lược phát triển 5 năm 2021-2025 và tạo nền tảng để tăng tốc, bứt phá trong giai đoạn tiếp theo.

Từ khóa: Kinh tế, tăng trưởng, ổn định vĩ mô

THE ECONOMIC PICTURE OF VIETNAM IN 2024 AND FORECAST FOR 2025

Can Van Luc and researchers of the BIDV Training and Research Institute

With the determined effort to create institutional breakthroughs in organizational streamlining and removing bottlenecks in the economy, the Vietnam's economy in 2024 has achieved impressive results and has been highly appreciated by international organizations. In 2025, although the global economy is forecast to face multiple challenges, the economy continues to recover at a high level but with uneven pace... Vietnam's economic outlook is forecast to be positive, with better growth and macro stability... in 2025, the decisive year of the 5-year development strategy 2021-2025, to create a foundation for acceleration and breakthroughs in the following period.

Keywords: Economy, growth, macro stability

Ngày nhận bài: 02/01/2025

Ngày hoàn thiện biên tập: 10/01/2025

Ngày duyệt đăng: 15/01/2025

Kinh tế Việt Nam năm 2024 bứt tốc ấn tượng

Kinh tế thế giới trong năm 2024 duy trì phục hồi khá ở mức khoảng 3,2% (tương đương năm 2023, theo IMF 10/2024), song không đồng đều, có sự phân hóa giữa các nước, giữa lĩnh vực dịch vụ và sản xuất. Lạm phát hạ nhiệt, tạo tiền đề thuận lợi để ngân hàng trung ương (NHTW) các nước hạ lãi suất, nới lỏng chính sách tiền tệ nhằm hỗ trợ tăng trưởng, ổn định của thị trường tài chính toàn cầu. Tuy nhiên,

kinh tế thế giới vẫn còn nhiều rủi ro, thách thức; đặc biệt là căng thẳng địa chính trị ở Trung Đông, Ukraine còn phức tạp; cạnh tranh giữa các nước lớn, bảo hộ và phân mảnh thương mại gia tăng; rủi ro an ninh năng lượng, lương thực, an ninh mạng và thiên tai, khí hậu cực đoan vẫn thường trực, trong khi lạm phát và lãi suất dù giảm nhưng còn cao, khiến rủi ro tài chính – tiền tệ vẫn hiện hữu.

Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam năm 2024 tăng trưởng cao với 07 điểm sáng:

Một là, Đảng, Nhà nước quyết tâm đột phá thể chế; Quốc hội, Chính phủ đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, nỗ lực tháo gỡ khó khăn, điểm nghẽn của nền kinh tế; thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát.

Đảng và Nhà nước thống nhất cao, quyết tâm đột phá thể chế - “điểm nghẽn của điểm nghẽn” và làm cách mạng về tinh gọn tổ chức - bộ máy, đẩy mạnh phòng chống lãng phí, góp phần tăng niềm tin của người dân và doanh nghiệp, khơi thông nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) nhanh, bao trùm và bền vững. Năm 2024, Quốc hội đã thông qua 29 luật, 42 nghị quyết quan trọng, tạo hành lang pháp lý đồng bộ, tháo gỡ rào cản, cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh, nổi bật là Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản; thông qua chủ trương đầu tư dự án đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam; khởi động lại việc đầu tư dự án điện hạt nhân Ninh Thuận; Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn và nguồn nhân lực bán dẫn đến năm 2030, cùng nhiều nghị quyết, chỉ thị, công điện, văn bản chỉ đạo, đôn đốc việc thi hành văn bản luật kịp thời và hiệu quả nhằm tháo gỡ khó khăn cho các thị trường đất đai, chứng khoán, tín dụng, xây dựng,

bất động sản, năng lượng, tăng cường phân cấp, phân quyền, đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư công, khơi thông nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế, ổn định vĩ mô và kiểm soát lạm phát...

Điểm nhấn đáng chú ý là việc thực hiện chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm, phối hợp đồng bộ, hài hòa với chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt là tiền đề quan trọng củng cố niềm tin của người dân và doanh nghiệp, khơi thông các nguồn lực tạo môi trường thuận lợi hơn cho phát triển khoa học công nghệ (KH-CN), đổi mới sáng tạo, chuyển đổi năng lượng và các động lực tăng trưởng mới, hỗ trợ phục hồi sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Hai là, hoàn thành và vượt 15/15 chỉ tiêu phát triển KT-XH năm 2024; tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước và GDP cả năm 2024 tăng trưởng vượt kế hoạch và dự báo: GDP quý IV/2024 ước tăng 7,55% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn 3 quý đầu năm (lần lượt ở mức 5,98%, 7,25% và 7,43%) và cao nhất so với cùng kỳ giai đoạn 2021-2024. Tăng trưởng kinh tế cả năm 2024 tăng 7,09%, vượt mục tiêu đề ra (6-6,5%) và cao hơn dự báo của các tổ chức quốc tế, là mức cao nhất ASEAN và thuộc Top 5 tăng trưởng cao của thế giới. Quy mô kinh tế Việt Nam ước đạt 476 tỷ USD, xếp hạng 33 thế giới, tăng 1 bậc so với năm 2023. Chất lượng tăng trưởng cải thiện tích cực với năng suất lao động (NSLĐ) ước tăng 5,88%, cao hơn mức 3,3% năm 2023 và cao hơn mức mục tiêu 4,8-5,3%, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (hệ số ICOR) ở mức 5,13 lần, thấp hơn mức 7,49 lần năm 2023.

Về phía cung, động lực tăng trưởng chính là lĩnh vực công nghiệp chế biến - chế tạo và dịch vụ (lần lượt tăng 9,83% và 7,38%) và đóng góp 77,4% vào mức tăng trưởng chung, cùng với đó, nông nghiệp phục hồi khá (tăng 3,27%, cao hơn mức trước đại dịch Covid-19) nhờ nỗ lực khắc phục kịp thời ảnh hưởng của bão số 3, đóng góp 0,39 điểm % (5,47%) vào mức tăng trưởng chung, góp phần đảm bảo an ninh lương thực, bình ổn giá hàng hóa thiết yếu, kiềm chế lạm phát, cũng như tăng xuất khẩu (kim ngạch xuất khẩu nông - lâm - thủy sản ước đạt 62,5 tỷ USD, tăng 18,7% so với 2023). Về phía cầu, động lực tăng trưởng chính là tiêu dùng cuối cùng tăng 6,57% so với cùng kỳ năm 2023, đóng góp cao nhất vào tăng trưởng GDP (59,38%), cao nhất trong vòng 5 năm; đầu tư (tích lũy tài sản) tăng 7,2%, đóng góp 36,53% - là mức tăng trưởng và đóng góp cao nhất trong vòng 4 năm; chênh lệch xuất - nhập khẩu (XNK) ròng đóng góp 4,09%.

Kim ngạch xuất nhập khẩu (XNK) đạt 786,3 tỷ USD, tăng 15,4%, với xuất khẩu tăng 14,3%, nhập khẩu tăng 16,7%, nhờ đà phục hồi của nhu cầu thế giới, nhất là tại các đối tác lớn của Việt Nam. Cán cân thương mại thặng dư 24,8 tỷ USD, nhưng do thâm hụt thương mại dịch vụ nên cán cân thương mại hàng hóa và dịch vụ tổng thể chỉ thặng dư 12,4 tỷ USD, thấp hơn mức 19,5 tỷ USD năm 2023, nhưng cũng là mức cao trong vòng 8 năm, góp phần ổn định tỷ giá, tăng dự trữ ngoại hối...

Giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt mức kỷ lục trong khi duy trì thu hút FDI mới với vốn đăng ký đạt 38,23 tỷ USD, giảm nhẹ 2,9% so với năm 2023, chủ yếu là do so với mức nền cao của năm 2023, giải ngân vốn FDI đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm 2023, là mức giải ngân giải ngân kỷ lục kể từ năm 2008. Cùng với đó, đầu tư tư nhân phục hồi, tăng 7,7%, cao gấp 2,8 lần mức tăng 2,7% của năm 2023 và cao hơn cùng kỳ các năm 2020-2021.

Tiêu dùng tiếp tục phục hồi, du lịch tăng mạnh, với tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ năm 2024 tăng 8,8% nhờ lượng khách du lịch tăng mạnh và tiêu dùng cá nhân phục hồi. Việt Nam đã đón gần 18 triệu lượt khách quốc tế, tăng 39,5% so với năm 2023, gần bằng mức trước dịch; khách nội địa ước đạt 110 triệu lượt, tăng 1,6%; tổng thu du lịch ước đạt 840 nghìn tỷ đồng, tăng 23,8% so với cùng kỳ năm 2023.

Ba là, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát tốt: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2024 tăng 3,63%, thấp hơn mục tiêu Quốc hội giao (4-4,5%), cao hơn mức tăng 3,25% của năm 2023. Lạm phát cơ bản bình quân tăng 2,71% so với năm 2023, thấp hơn mức tăng của lạm phát tổng thể (3,63%) và thấp hơn năm 2023 (4,21%) cho thấy, lạm phát tổng thể tăng chủ yếu là do hiệu ứng tăng giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý (giá điện, tiền lương, dịch vụ y tế và giáo dục...) và áp lực cầu kéo (tín dụng ước tăng 15,08%, cao hơn mức 13,78% năm 2023, cung tiền tăng khoảng 10,5%, thấp hơn mức tăng 12,5% năm 2023, nhưng cao hơn nhiều mức tăng 6,2% năm 2022); trong đó 5 nhóm mặt hàng gồm lương thực - thực phẩm, dịch vụ giáo dục, y tế, nhà ở - vật liệu xây dựng, hàng hóa và dịch vụ khác đóng góp đến 90,4% mức tăng CPI chung.

Các cân đối lớn được bảo đảm với mức nợ công (theo Bộ Tài chính), khoảng 37% GDP, nợ nước ngoài, nghĩa vụ trả nợ của Chính phủ đều dưới ngưỡng Quốc hội cho phép và thấp hơn mức trung

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GDP TỔNG THỂ VÀ THEO CÁC KHU VỰC CỦA VIỆT NAM NĂM 2025				
Lĩnh vực	2024e	Dự báo 2025		
		Tiêu cực (20%)	Cơ sở (60%)	Tích cực (20%)
Dự báo các động lực tăng trưởng từ phía cung (%yoy)				
Nông, Lâm nghiệp, Thủy sản	3,27	3 - 3,2	3,5 - 4	4 - 4,5
Công nghiệp & Xây dựng	8,24	7,5 - 8	8,5 - 9,5	9,5- 11
Công nghiệp chế biến - chế tạo	9,83	8,5 - 9	10 - 12	11 - 13
Dịch vụ	7,38	7,5 - 8	8,5 - 9,5	10 - 10,5
Dự báo đóng góp của các động lực tăng trưởng từ phía cầu (điểm %)				
Tiêu dùng cuối cùng	4,21	2,5 - 3	4	4,5
Đầu tư	2,59	3	3	3,5
Chênh lệch XNK hàng hóa và dịch vụ	0,29	1,0	1 - 1,5	1,2 - 1,5
Chất lượng tăng trưởng				
Đóng góp của TFP (%)	44,7	45	45 - 48	50 - 53
Kinh tế số (% GDP)	14 - 15	14 - 15	16 - 18	18 - 20
Tăng năng suất lao động (%)	5,9	6 - 6,5	6,5 - 7	7 - 7,5
Hệ số ICOR (lần)	5,13	6-6,5	5-5,5	4,5 - 5
Tăng trưởng GDP	7,09	7 - 7,5	8 - 8,5	9 - 9,5

Nguồn: Dự báo của viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV

binh của thế giới và các nước cùng xếp hạng tín nhiệm; an ninh lương thực, an ninh năng lượng và an sinh xã hội được bảo đảm.

Bốn là, mặt bằng lãi suất cơ bản ổn định, tín dụng khả quan, tỷ giá và nợ xấu tăng trong tầm kiểm soát: lãi suất cho vay tiếp tục giảm nhẹ (-0,5%) so với cuối năm 2023 nhờ thanh khoản hệ thống cơ bản ổn định với sự can thiệp kịp thời của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và nỗ lực giảm chi phí, giảm biên lợi nhuận của các tổ chức tín dụng (TCTD). Tín dụng năm 2024 ước tăng 15,08% so với cuối năm 2023 nhờ sự khởi sắc của các hoạt động đầu tư, tiêu dùng và thị trường bất động sản (BDS). Tỷ giá liên ngân hàng tăng khoảng 5%, chủ yếu là do đồng USD tăng giá trên thị trường quốc tế, chênh lệch lãi suất USD-VND vẫn còn do Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) giãn tiến độ giảm lãi suất, nhu cầu ngoại tệ cuối năm tăng cao hơn, tuy nhiên, tỷ giá vẫn trong tầm kiểm soát nhờ nguồn cung ngoại tệ dồi dào. Nợ xấu vẫn trong tầm kiểm soát. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp và thị trường BDS đang dần phục hồi nhờ cú huych từ các luật mới, các quyết sách liên quan của Quốc hội, Chính phủ (Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất, đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội...); công tác quy hoạch, đầu tư công được quan tâm thúc đẩy...

Năm là, thu ngân sách nhà nước (NSNN) tăng

khá cùng với đà phục hồi của sản xuất, tiêu dùng và xuất - nhập khẩu (XNK): thu NSNN ước đạt 119,8% dự toán năm, nhờ đà phục hồi của sản xuất, tiêu dùng và XNK cũng như việc đa dạng hóa nguồn thu, tạo dư địa cho thực thi chính sách tài khóa mở rộng và phục vụ công tác cải cách tiền lương, tinh gọn tổ chức - bộ máy đang tiến hành. Trong khi đó, chi NSNN chỉ bằng 86,4% dự toán năm, chủ yếu là do chi đầu tư phát triển mới bằng 78,1% dự toán và một số nguồn thu ngân sách (như từ đất đai) còn thiếu bền vững.

Sáu là, hoạt động của doanh nghiệp có nhiều cải

thiện: cả năm 2024 có 233,4 nghìn doanh nghiệp gia nhập thị trường, tăng 7,1% so với cùng kỳ; gấp 1,2 lần số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 197,9 nghìn doanh nghiệp. Khảo sát của Tổng cục Thống kê (TCTK) và các hiệp hội cho thấy, niềm tin của doanh nghiệp vào triển vọng tốt lên của sản xuất kinh doanh trong quý IV/2024 đều cao hơn so với quý III/2024 (trong đó các DN ngành chế biến - chế tạo có tỷ lệ lạc quan cao nhất). Chỉ số niềm tin kinh doanh (BCI) do EuroCham khảo sát các doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam tăng từ 46,3 điểm vào quý IV/2023 lên 61,8 điểm trong quý IV/2024, mức cao nhất trong hơn hai năm qua, khẳng định sự phục hồi tích cực của niềm tin kinh doanh.

Bảy là, hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh. Tính đến cuối năm 2024, Việt Nam đã nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 9 quốc gia; đã ký kết và đàm phán 19 Hiệp định thương mại tự do (FTA); tích cực tham gia nhiều diễn đàn, cơ chế đa phương quan trọng như Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) Đại Liên (Trung Quốc) 2024, Diễn đàn Tương lai ASEAN (AFF) 2024, APEC 2024, hội nghị BRICS...góp phần nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam, tạo cơ hội thúc đẩy hợp tác thương mại, đầu tư và du lịch, phát triển các lĩnh vực mới như kinh tế số, kinh tế xanh, KHCN, công nghiệp bán dẫn...

Nỗ lực điều hành và kết quả phát triển KT-XH của Việt Nam được các tổ chức quốc tế đánh giá

cao với việc S&P và Moody's (9/2024) đã nâng hệ số tín nhiệm quốc gia Việt Nam thêm một bậc, duy trì triển vọng ở mức Ổn định trong dài hạn; Việt Nam tăng 2 bậc về Chỉ số đổi mới - sáng tạo toàn cầu năm 2024 (lên vị trí 44/133 thế giới và thứ 4/10 ASEAN), chỉ số phát triển Chính phủ điện tử năm 2024 tăng 15 bậc so với năm 2022, xếp hạng 71/193 thế giới, thuộc nhóm Cao, tiếp tục được Mỹ công nhận Việt Nam không thao túng tiền tệ trong 2 kỳ đánh giá năm 2024; chỉ số tự do kinh tế tăng 13 bậc, lên vị trí 59/176 thế giới; giá trị thương hiệu quốc gia đạt 507 tỷ USD, xếp thứ 32/193, tăng 1 bậc so với năm 2023...

Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2025

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025 được các tổ chức quốc tế dự báo duy trì ở mức tương đương năm 2024 (khoảng 3-3,2%), trong khi lạm phát (CPI bình quân) giảm về mức 3-3,5% (so với mức 4-4,5% năm 2024) khi giá hàng hóa và năng lượng tương đối ổn định. Thương mại và đầu tư FDI toàn cầu cũng được dự báo phục hồi khá, tăng 2,5-3,5%. Tuy nhiên, nhiều rủi ro, bất định còn hiện hữu và diễn biến phức tạp, thách thức đã phục hồi vững chắc của kinh tế toàn cầu.

Trong bối cảnh đó, 05 rủi ro, thách thức chính năm 2024 và còn tiếp diễn trong năm 2025 gồm:

Một là, rủi ro, thách thức từ bên ngoài vẫn hiện hữu, bao gồm: (i) Khủng hoảng địa chính trị gia tăng, khó đoán định (đặc biệt xung đột tại Ukraina, Trung Đông...); (ii) Cạnh tranh chiến lược về thương mại, công nghệ giữa các nước lớn còn phức tạp, phân mảnh, bảo hộ thương mại gia tăng; (iii) Rủi ro thay đổi về chính sách đối ngoại, an ninh, kinh tế - xã hội sau các cuộc bầu cử năm 2024; (iv) Một số đối tác lớn của Việt Nam (như châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản...) tăng trưởng chậm lại, tác động tiêu cực đến xuất khẩu, thu hút đầu tư, du lịch của Việt Nam; (v) Lạm phát, lãi suất toàn cầu giảm chậm hơn so với dự kiến do các chính sách bảo hộ thương mại, áp thuế nhập khẩu của Mỹ sẽ gia tăng áp lực lạm phát, lãi suất và tỷ giá và thị trường tài chính - tiền tệ của Việt Nam; (vi) Nguy cơ rủi ro an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng, xâm nhập mặn và thiên tai, khí hậu cực đoan vẫn thường trực.

Hai là, các động lực tăng trưởng truyền thống phục hồi nhưng chưa đồng đều, còn thấp hơn so với trước đại dịch COVID-19 và chưa bền vững. Đầu tư

tư nhân phục hồi khá (tăng 7,7%) song thấp hơn nhiều mức tăng 15-17% của giai đoạn trước đại dịch và thấp hơn khu vực FDI (10,6%); doanh thu bán lẻ (loại trừ yếu tố giá) tăng 5,9%, bằng 66% mức tăng trung bình của giai đoạn trước đại dịch, doanh thu du lịch lữ hành và lưu trú - ăn uống vẫn thấp hơn cùng kỳ năm 2023 (52,5% và 14,7%) và chưa tương xứng với mức tăng mạnh của thu hút du lịch quốc tế (+39,5%). Đầu tư tăng 7,2% và tiêu dùng cuối cùng tăng 6,57% cao hơn năm 2023 nhưng vẫn thấp hơn mức trước dịch (tương ứng là 7,48% và 6,79% năm 2019); chênh lệch XNK ròng đóng góp còn khiêm tốn vào tăng trưởng GDP (4,09%) khi cán cân thương mại dịch vụ vẫn thâm hụt. Giải ngân đầu tư công còn chậm, không đồng đều (chỉ tăng 5,7% so với cùng kỳ, mới bằng 84,6% kế hoạch năm, hết tháng 1/2025 có thể đạt 90-92%, chưa đạt mục tiêu 95% kế hoạch; nhiều bộ ngành, địa phương giải ngân thấp hơn bình quân cả nước). Chất lượng tăng trưởng dù đã cải thiện song chưa đạt kỳ vọng (khi năng suất lao động bình quân giai đoạn 2021-2024 chỉ tăng 4,5%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu là 6,5%/năm; hệ số ICOR dù giảm so với giai đoạn 2020-2021 song bình quân giai đoạn 2021-2024 vẫn ở mức cao 8,3 lần, gấp 2 lần mức khuyến cáo của IMF, hệ số ICOR của khu vực tư nhân cao nhất trong 3 khu vực kinh tế...).

Bên cạnh đó, thể chế cho các động lực tăng trưởng mới, nhất là thể chế cho phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi năng lượng còn chậm ban hành so với yêu cầu phát triển.

Ba là, hoạt động doanh nghiệp còn nhiều khó khăn dù đã dịu bớt. Năm 2024, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn tăng 12,4% và số doanh nghiệp hoàn tất giải thể tăng 20% so với cùng kỳ, tuy giảm so với năm trước nhưng còn cao. Qua khảo sát cho thấy khối doanh nghiệp còn gặp phải 04 khó khăn chính: các vướng mắc về pháp lý, thủ tục (như định giá đất, đấu thầu, giải phóng mặt bằng, hoàn thuế VAT...) còn chậm giải quyết; chi phí đầu vào (nhất là chi phí logistics, tiền lương, tiền điện, thuê mặt bằng...) tăng, đơn hàng phục hồi không đồng đều và thiếu bền vững; một số ngành nghề còn thiếu lao động, năng suất thấp; yêu cầu số hóa và xanh hóa ngày càng cao trong khi năng lực cạnh tranh và thích ứng của doanh nghiệp còn hạn chế...

Bốn là, thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN), thị trường BĐS phục hồi chậm, tiềm ẩn

rủi ro: theo VIS Rating, tổng giá trị TPDN chậm thanh toán đến tháng 11/2024 chiếm 15,3% dư nợ TPDN toàn thị trường, trong đó nhóm ngành BĐS chiếm tỷ trọng lớn nhất, khoảng 60% giá trị chậm trả. Năm 2025, ước tính sẽ có khoảng 213 nghìn tỷ đồng TPDN đáo hạn (theo HNX), vẫn chủ yếu là TPDN BĐS trong khi thị trường BĐS phục hồi chậm với giá bất động sản (nhất là chung cư, đất nền) tăng nhanh, vượt khả năng chi trả của đa số người dân có nhu cầu thực, khiến lượng giao dịch tăng chậm.

Năm là, tình trạng lãng phí còn chậm khắc phục: tiến trình cơ cấu lại nền kinh tế, gồm cả các DNNN và các tổ chức tín dụng yếu kém còn chậm so với yêu cầu, làm tăng nợ xấu, nợ tồn đọng, chi phí duy trì. Cùng với đó, tình trạng lãng phí về đất đai, BĐS, tài sản công, đầu tư công, tài nguyên... gây ra nhiều hệ lụy tiêu cực, khiến việc huy động và phân bổ nguồn lực khó đạt hiệu quả cao và tốn kém, có thể bỏ lỡ thời cơ, kìm hãm sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới, đòi hỏi quyết liệt hơn thời gian tới.

Kịch bản tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2025

Với Việt Nam, mục tiêu quyết tâm tăng tốc, bứt phá trong năm 2025, tạo tiền đề tăng trưởng 2 con số trong giai đoạn tiếp theo 2026-2030, Nhóm nghiên cứu dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2025 với 3 kịch bản.

- *Kịch bản cơ sở (xác suất 60%)*: Cùng với đà phục hồi tăng trưởng kinh tế toàn cầu và tiếp nối đà tăng trưởng cao của năm 2024; với quyết tâm đột phá thể chế, tiến hành cách mạng về tinh gọn tổ chức - bộ máy, niềm tin của DN và người dân được củng cố mạnh mẽ; các động lực tăng trưởng (cả truyền thống và mới) được phát huy, khai thác hiệu quả cao hơn; ổn định vĩ mô được giữ vững, các cân đối lớn được bảo đảm, dự báo kinh tế Việt Nam tăng trưởng khoảng 8% năm 2025. Trong đó, xuất khẩu tăng khoảng 12%, đầu tư (gồm cả đầu tư công và tư) và tiêu dùng tăng cao hơn (từ 10-12%) so với năm 2024; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng khoảng 10-12%; năng suất lao động tăng 6-6,5%, đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GDP khoảng 45-48%; kinh tế số chiếm khoảng 16-18% GDP; hệ số ICOR ở mức 5-5,5 lần (thấp hơn giai đoạn 2011-2019).

- *Kịch bản tích cực (20%)*: Tăng trưởng GDP có thể cao hơn, đạt 9-9,5% trong điều kiện tăng trưởng

kinh tế toàn cầu cao hơn dự báo; các động lực tăng trưởng phát huy tốt hơn; cơ cấu lại nền kinh tế, các đột phá chiến lược được thúc đẩy; năng lực cạnh tranh, chất lượng tăng trưởng cải thiện rõ nét (đóng góp của TFP vào tăng trưởng GDP khoảng 50-53%, kinh tế số chiếm khoảng 18-20%, năng suất lao động tăng 7-7,5%...).

- *Kịch bản tiêu cực (20%)*: Nếu các rủi ro bên ngoài gia tăng và tác động tiêu cực hơn, kinh tế thế giới tăng trưởng chậm hơn dự báo, xung đột địa chính trị leo thang, chiến tranh thương mại – công nghệ phức tạp (các nước đáp trả lẫn nhau), biến đổi khí hậu diễn biến khó lường, tác động tiêu cực đến xuất khẩu, đầu tư và tiêu dùng của Việt Nam trong khi các đột phá chiến lược, các động lực tăng trưởng chưa phát huy hiệu quả như kỳ vọng hoặc chỉ ở mức tương đương năm 2024, khi đó tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2025 dự báo chỉ đạt 7-7,5%.

Về lạm phát, dự báo CPI bình quân năm 2025 tăng khoảng 3,5-4%, có thể ở cận trên (4%) khi yếu tố chi phí đẩy (do tăng giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý theo lộ trình) và yếu tố cầu kéo (cung tiền và vòng quay tiền tăng cao hơn năm 2024, đáp ứng nhu cầu vốn cho tăng trưởng cao). Tuy nhiên, lạm phát năm 2025 sẽ vẫn trong tầm kiểm soát nhờ lạm phát toàn cầu hạ nhiệt (dù chậm hơn do chính sách áp thuế nhập khẩu của chính quyền mới của Mỹ), nguồn cung hàng hóa - dịch vụ thiết yếu trong nước được bảo đảm; tỷ giá tăng trong tầm kiểm soát, lãi suất cơ bản ổn định và phối hợp chính sách ngày càng tốt hơn.

Các kiến nghị, đề xuất

Với cơ hội và thách thức đan xen, tiếp tục tác động đa chiều đến sự vận động, phát triển của kinh tế Việt Nam, để đạt được mục tiêu tăng trưởng cao, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô năm 2025, Nhóm nghiên cứu đề xuất 6 kiến nghị như sau:

Một là, tiếp tục đẩy mạnh đột phá về thể chế, cách mạng về tinh gọn tổ chức - bộ máy", chống lãng phí... Những thành công quan trọng ban đầu, tạo cơ sở và niềm tin tiếp theo, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bao trùm và bền vững. Theo đó cần: Sớm hoàn thành các đề án sáp nhập, cơ cấu lại, tinh gọn tổ chức – bộ máy và tổ chức thực hiện, đảm bảo tiến độ, chất lượng và thực chất; Tăng cường tuyên truyền về các chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước để phát triển bứt phá trong kỷ nguyên mới, đưa đất nước phát triển nhanh, thịnh vượng,

bao trùm và bền vững; Đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, nhất là lãng phí (tập trung vào 5 lĩnh vực: đất đai, BĐS, tài sản công, đầu tư công và tài nguyên); Thực thi cơ chế, chính sách đột phá để xây dựng đội ngũ cán bộ công viên chức có đủ tâm và tầm, tinh thần trách nhiệm cao cùng với tiến trình cải cách tiền lương, cơ chế, chính sách tạo động lực, bảo vệ cán bộ dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Hai là, tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả 5 đột phá chiến lược (thể chế, kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực - đặc biệt là nhân lực chất lượng cao, KHCN – chuyển đổi số, và chống lãng phí): Thực hiện có hiệu quả chương trình đột phá thể chế, tinh gọn tổ chức – bộ máy, quyết liệt cải thiện môi trường đầu tư – kinh doanh nhằm kịp thời tháo gỡ các rào cản, vướng mắc về pháp lý, hoàn thuế VAT, định giá đất, tiếp cận đất đai, vốn...; Sớm hoàn thiện khung pháp lý cho phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi năng lượng như cơ chế thử nghiệm - Sandbox cho Fintech và kinh tế tuần hoàn, Đề án phát triển thị trường tín chỉ carbon, danh mục phân loại xanh...; Đẩy nhanh phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng số và năng lượng sạch; Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, theo đó cần thay đổi triết lý giáo dục – đào tạo trong kỷ nguyên mới, trong đó có việc triển khai hiệu quả Đề án phát triển nhân lực bán dẫn và chủ trương phát triển công nghiệp văn hóa đã ban hành...

Ba là, tập trung làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống (xuất khẩu, đầu tư - nhất là đầu tư tư nhân và đầu tư công, và tiêu dùng); khai thác tốt hơn các động lực tăng trưởng mới (kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, các ngành công nghiệp mới như chip bán dẫn, AI, chuỗi khối, vật liệu mới...): triển khai hiệu quả các chính sách về giãn, hoãn, giảm thuế, phí, và các chính sách tín dụng - tiền tệ; đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tận dụng tốt hơn các FTA đã ký; phát huy hiệu quả ngoại giao kinh tế nhằm tăng cường huy động nguồn lực tài chính xanh, tài chính bền vững trong và ngoài nước; chú trọng phát triển kinh tế tư nhân, nâng cao năng lực cạnh tranh của DN Việt; (iv) Đẩy mạnh liên kết vùng, thúc đẩy tăng trưởng của các đầu tàu kinh tế như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Cần Thơ, Huế...tăng tính lan tỏa trong vùng và cả nước...

Bốn là, nâng cao hiệu quả trong điều hành, phối hợp chính sách nhằm thúc đẩy tăng trưởng cao, kiểm soát lạm phát, ổn định vĩ mô, bình ổn tỷ giá, thị trường tài chính - tiền tệ, đảm bảo an sinh xã hội. Theo đó, chính sách tài khóa tiếp tục giữ vai trò chủ lực, mở rộng có trọng tâm, trọng điểm, gắn với đẩy mạnh giải ngân đầu tư công; chính sách tiền tệ theo hướng chủ động, linh hoạt, tăng khả năng tiếp cận tín dụng gắn với kiểm soát rủi ro và xử lý nợ xấu; phát triển mạnh mẽ thị trường tài chính, nhất là thị trường TPDN, trong đó chú trọng ưu tiên nâng hạng thị trường chứng khoán trong năm 2025 và kiểm soát rủi ro hệ thống tài chính - BĐS; có lộ trình phù hợp khi tăng giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý; đảm bảo cung ứng đủ các mặt hàng thiết yếu.

Năm là, chú trọng đẩy nhanh cơ cấu lại nền kinh tế nhằm thu hút và phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn, nhất là cổ phần hóa và thoái vốn DNNN, xử lý dứt điểm các TCTD yếu kém, tăng vốn cho các TCTD Nhà nước nhằm tăng khả năng tiếp cận vốn, giảm rủi ro, tăng tính lành mạnh và hiệu quả của thị trường...

Sáu là, nâng cao chất lượng tăng trưởng, trong đó tập trung tăng năng suất lao động, tăng mức đóng góp của TFP trong tăng trưởng GDP; xây dựng chiến lược và giải pháp cụ thể nhằm tăng tính độc lập, tự chủ, tự cường và nâng cao sức chống chịu của nền kinh tế và doanh nghiệp Việt Nam. 

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Tài chính “10 sự kiện nổi bật của ngành tài chính năm 2024”;
2. TS. Cấn Văn Lực “Kinh tế thế giới và Việt Nam 2024, dự báo 2025: Điểm sáng, rủi ro – thách thức và giải pháp” tại Tọa đàm “Kinh tế vĩ mô Việt Nam: Nhìn lại 2024 và xu hướng 2025” (VnEconomy và VEPR, 3/1/2025);
3. Tài liệu Diễn đàn kịch bản Kinh tế Việt Nam (VESF) 2025 (VINASME và VnEconomy, 7/1/2025);
4. Tổng cục Thống kê “Báo cáo kinh tế xã hội quý IV và năm 2024”;
5. IMF (7/2024 và 10/2024), *World Economic Outlook*;
6. World Bank (10/2024, 1/2025), “*World Economic Prospects*” and *World Bank* (10/2024), “*East Asia and the Pacific Economic Update*”;
7. IMF (8/2024) “2024 Article IV consultation – Press release”;
8. ADB (12/2024), “*Asian Development Outlook: Steady Growth amid a shifting global policy landscape*”;
9. AMRO (10/2024), “*ASEAN + 3 Regional Economic Outlook (AREO)*”.

Thông tin tác giả:

TS. Cấn Văn Lực và Nhóm tác giả Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV
Email: luccv@bidv.com.vn